TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1439/2025/DS-PT
Ngày: 18-11-2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1071/2025/TLPT-DS ngày 21/10/2025 về việc: "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6314/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1974; địa chỉ: số nhà C, tổ A, khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1972; địa chỉ: Số D L, tổ D, khu D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024); có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: số C, tổ A, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số nhà C, đường B, tổ A, khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1947 (đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan ông Nguyễn Quốc N: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Quốc P, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Quốc G, bà Nguyễn Thu N1, ông Nguyễn Quốc T; Cùng địa chỉ: khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1975; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

3. Ông Nguyễn Quốc G, sinh năm 1977; có mặt;

4. Bà Nguyễn Thu N1, sinh năm 1980; có mặt;

5. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1982; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

Cùng địa chỉ thường trú: số C, tổ A, khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: số nhà C, đường B, tổ A, khu phố T, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu N1, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Quốc G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02/02/2024; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/10/2024; lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

Cha mẹ nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc N, sinh năm 1947 (chết năm 2024) theo giấy chứng tử số 73/2024 ngày 03/10/2024 và bà Bùi Thị N2, sinh năm 1955 (chết năm 2017) theo giấy chứng tử số 1135/TLKT-BS. Ông N và bà N2 sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Cha của bà Bùi Thị N2 là ông Bùi Đình Đ (chết năm 1983), mẹ của bà Bùi Thị N2 là bà Nguyễn Thị T1 (chết năm 2022). Cha của ông Nguyễn Quốc N là ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1902 (chết năm 1968); mẹ của ông Nguyễn Quốc N là bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1906 (chết năm 1989).

Quá trình sống chung, ông N và bà N2 có 06 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1974; ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1986; ông Nguyễn Quốc G, sinh năm 1977; bà Nguyễn Thu N1, sinh năm 1980; ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1982; và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1975.

Ngoài các con chung trên thì ông N và bà N2 không có người con riêng ngoài giá thú nào khác. Ông N và bà N2 chết không để lại di chúc.

Quá trình chung sống, ông N và bà N2 đã để lại các tài sản bao gồm:

Thửa đất số 59, tờ bản đồ số 19, diện tích 12.574m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế 11.804,1m^2) tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00120 ngày 06/4/2005 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N.

Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 19, diện tích 7.660m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế 7.549,3m^2) tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00121 ngày 06/4/2005 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N.

Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 19, diện tích 21.410m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế 22.003m^2) tọa lạc tại phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521QSDD/1268QĐUB ngày 06/5/2003 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N.

Thửa đất số 139, tờ bản đồ số 38, diện tích 232,2m^2 (diện tích qua đo đạc thực tế 232,2m^2) tọa lạc tại phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01091 ngày 11/7/2005 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N.

Về nguồn gốc các tài sản trên, ông N và bà N2 tự khai phá và nhận chuyển nhượng từ người khác.

Sau khi bà N2 và ông N chết thì các con của bà N2 và ông N là người quản lý và sử dụng các tài sản nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Nguyễn Quốc N chết nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện bổ sung để chia di sản thừa kế của ông N theo quy định của pháp luật. Do vậy, nay nguyên đơn bà H khởi kiện, khởi kiện bổ sung yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Bùi Thị N2 và ông Nguyễn Quốc N để lại theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Chia (bằng hiện vật) di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích qua đo đạc thực tế 22.003m^2 thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ 19, đất tọa lạc phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận số vào sổ: 01521QSDD/1268QDUB ngày 06/5/2003 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N.

- Chia (bằng hiện vật) di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích qua đo đạc thực tế 11.804,1m^2 thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ 19, đất tọa lạc phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Giấy chứng nhận số: H00120 ngày 06/4/2005 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N.

- Chia (bằng hiện vật) di sản thừa kế là phần đất diện tích qua đo đạc thực tế 7.549,3m^2 của thửa đất số 60, tờ bản đồ 19, đất tọa lạc phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương; do UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00121 ngày 06/4/2005 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N.

- Chia (bằng hiện vật) di sản thừa kế là phần đất diện tích qua đo đạc thực tế 232,2 m² của thửa đất số 139, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương do UBND huyện B cấp. Giấy chứng nhận số vào sổ: H01091 ngày 11/7/2005, cấp cho ông Nguyễn Quốc N.

Tại bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Quốc P trình bày:

Bị đơn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà N2, về di sản thừa kế do cha mẹ để lại. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông P đề nghị chia di sản thừa kế của ông N và bà N2 theo quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ 38, tọa lạc khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh do UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận số vào sổ: H01091 ngày

11/7/2005 cho ông Nguyễn Quốc N và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, do ông là người trực tiếp quản lý và sử dụng thời gian dài nên ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật đối với di sản của ông N và bà N2 để lại. Đối với các thửa đất 59, 60 và 62 đề nghị chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế của ông N và bà N2.

Tại bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc G trình bày:

Ông G thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về quan hệ hôn nhân của ông N và bà N2, về di sản thừa kế do ông N và bà N2 để lại. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông N và bà N2 theo quy định của pháp luật, chia đều di sản bằng hiện vật cho các đồng thừa kế của ông N và bà N2.

Tại bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Ông T thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về quan hệ hôn nhân của ông N và bà N2, về di sản thừa kế do ông N và bà N2 để lại. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông N và bà N2 theo quy định của pháp luật, chia đều di sản bằng hiện vật cho các đồng thừa kế của ông N và bà N2.

Tại bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị O trình bày:

Bà O thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về quan hệ hôn nhân của ông N và bà N2, về di sản thừa kế do ông N và bà N2 để lại. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông N và bà N2 theo quy định của pháp luật, chia đều di sản bằng hiện vật cho các đồng thừa kế của ông N và bà N2.

Tại bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu N1 trình bày:

Bà N1 thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về quan hệ hôn nhân của ông N và bà N2, về di sản thừa kế do ông N và bà N2 để lại. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà N1 đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông N và bà N2 theo quy định của pháp luật, chia đều di sản bằng hiện vật cho các đồng thừa kế của ông N và bà N2.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc N là bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Quốc P, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Quốc G, bà Nguyễn Thu N1, ông Nguyễn Quốc T; cùng địa chỉ: khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bà Nguyễn Thị Mỹ H, ông Nguyễn Quốc P, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Quốc G, bà Nguyễn Thu N1, ông Nguyễn Quốc T; với tư cách là những người kế

thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc N đều không có ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H: Đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế đối với 04 thửa đất của ông N và bà N2 để lại theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H1 thống nhất với ý kiến của nguyên đơn bà H, đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của ông N và bà N2 để lại theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Quốc P: Ông P không có giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 139, 59, 60 và 62. Ông P là người đang quản lý và sử dụng đối với thửa đất số 139 nên yêu cầu được nhận bằng hiện vật đối với di sản thừa kế do ông N và bà N2 để lại đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại khu phố M, phường B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G, ông T, bà N1 và bà O: Đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế đối với 04 thửa đất của ông N và bà N2 để lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc P về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Xác định các tài sản gồm: Phần đất diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 12.574m^2 (diện tích đo đạc thực tế 11.804,1m^2 (trong đó diện tích CLN 11.804,1m^2) thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; phần đất diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 21.410m^2 (diện tích đo đạc thực tế 22.003,3m^2 (trong đó diện tích CLN 22.003,3m^2) thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; phần đất diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 7.660m^2 (diện tích đo đạc thực tế 7.549,3m^2 (trong đó diện tích CLN 7.549,3m^2)) thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 232,2m^2 của thửa đất số 139, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương di sản do ông Nguyễn Quốc N và bà Bùi Thị N2 để lại.

Phần chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Quốc N và bà Bùi Thị N2 theo pháp luật, cụ thể như sau:

1.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 22.003,3m^2 (trong đó diện tích CLN 22.003,3m^2) thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ông Nguyễn Quốc P được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 113,8m^2 (được ký hiệu B theo sơ đồ bản vẽ tranh chấp) thuộc thửa

đất số 139, tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền trên đất là nhà tạm có diện tích 34,6m^2.

1.3. Ông Nguyễn Quốc T được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 118,4m^2 (được ký hiệu A theo sơ đồ bản vẽ tranh chấp) thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 38 tọa lạc tại khu phố M, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh và tài sản gắn liền trên đất là nhà tạm có diện tích 93,06m^2. Ông Nguyễn Quốc P có trách nhiệm di dời, tháo dỡ phần nhà tạm có diện tích 93,06m^2 để trả lại đất cho ông Nguyễn Quốc T.

1.4. Ông Nguyễn Quốc G được quyền quản lý, sử dụng phần đất diện tích qua đo đạc thực tế 11.804,1m^2 (trong đó diện tích CLN 11.804,1m^2) thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Bà Nguyễn Thị N3 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích qua đo đạc thực tế 7.549,3m^2 (trong đó diện tích CLN 7.549,3m^2) thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(*Kèm theo Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 6 – 2024 ngày 02/7/2024; Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 12 – 2024 ngày 27/6/2024; Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 11 – 2024 ngày 27/6/2024; Mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý số 13 – 2024 ngày 27/6/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố B, B và Sơ đồ bản vẽ tranh chấp*).

Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 953515, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00120 ngày 06/4/2005 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N để cấp lại cho các đương sự theo diện tích mỗi người được chia (đối với thửa đất 59).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 492584, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01091ngày 11/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N để cấp lại cho các đương sự theo diện tích mỗi người được chia (đối với thửa đất số 139).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 568277, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01521…/QSDĐ/1268 QĐUB ngày 06/5/2009 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N để cấp lại cho các đương sự theo diện tích mỗi người được chia (đối với thửa đất số 62).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 953516, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00121ngày 06/4/2005 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Quốc N để cấp lại cho các đương sự theo diện tích mỗi người được chia (đối với thửa đất số 60).

2. Về trách nhiệm thanh toán:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch số tiền 26.144.233.333 đồng cho ông Nguyễn Quốc P.

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch số tiền 26.056.833.333 đồng cho ông Nguyễn Quốc T.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch số tiền 18.909.633.333 đồng cho bà O.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N3 có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch số tiền 1.890.766.667 đồng cho bà O.

+ Nguyên đơn bà H có trách nhiệm thanh toán phần giá trị chênh lệch được hưởng là 7.505.700.001 đồng cho bà O.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không tranh chấp đối với tài sản gắn liền trên đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 03/9/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu N1, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Quốc G có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm liên quan đến việc thanh toán giá trị chênh lệch và nhận thừa kế bằng hiện vật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Các đương sự kháng cáo cho rằng Tòa cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ nhiều nội dung trong vụ án. Cụ thể, bà T1 là hàng thừa kế thứ nhất do còn sống khi bà N2 chết theo Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Năm 2017, bà T1 có ý kiến để lại phần mình hưởng từ thửa đất số 62 cho ông T và không có từ chối nhận di sản đối với các phần di sản thuộc các thửa đất còn lại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ hàng thừa kế thứ nhất sau khi bà T1 chết để đưa họ vào tham gia tố tụng là không phù hợp theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh về tính hợp pháp của đường giao thông để xét về điều kiện tách thửa. Thửa 49 và 50 không có lối đi ra đường công cộng, nếu thửa 62 đủ điều kiện tách thửa thì có thể chừa một phần lối đi hợp pháp. Do Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giải quyết vụ án chưa triệt để, căn cứ theo khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu N1, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Quốc G là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thị O có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ nhân thân:

Theo Tờ trình về quan hệ nhân thân (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố B) ngày 25/12/2023 và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án, quan hệ nhân thân của các đương sự thể hiện như sau:

Bà Bùi Thị N2 (sinh năm 1955, chết ngày 11/11/2017) và ông Nguyễn Quốc N (sinh năm 1947, chết ngày 01/10/2024) là vợ chồng.

Cha của bà N2 là cụ Bùi Đình Đ (sinh năm 1930, chết ngày 17/01/1983) và mẹ của bà N2 là cụ Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1926, chết ngày 17/10/2022).

Cha của ông Nguyễn Quốc N là cụ Nguyễn Văn M (sinh năm 1902, chết năm 1968); mẹ của ông Nguyễn Quốc N là cụ Nguyễn Thị M1 (sinh năm 1906, chết năm 1989).

Quá trình chung sống, bà N2 và ông N có 06 (sáu) người con bao gồm: Bà Nguyễn Thị Mỹ H (sinh năm 1974), bà Nguyễn Thị O (sinh năm 1975), ông Nguyễn Quốc G (sinh năm 1977), bà Nguyễn Thu N1 (sinh năm 1980), ông Nguyễn Quốc T (sinh năm 1982) và ông Nguyễn Quốc P (sinh năm 1986).

[2.2] Về hàng thừa kế:

Bà Bùi Thị N2 sinh năm 1955, chết ngày 11/11/2017, bà N2 chết không để lại di chúc. Do đó, theo điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thừa kế theo pháp luật.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện cụ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1926 đã lập Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 29/12/2017 (bút lục 06a) tại Văn phòng C, huyện K, tỉnh Ninh Bình để từ chối nhận phần di sản mà mình được hưởng do bà N2 chết để lại. Cụ thể là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 19 diện tích 21.410m^2 tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 568277 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày

06/5/2003 cho ông Nguyễn Quốc N. Cụ T1 tự nguyện từ chối nhận phần di sản mà mình được hưởng và nhường kỷ phần di sản mà cụ được hưởng cho cháu là ông Nguyễn Quốc T. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét nội dung của văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của cụ T1 làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T.

Ngoài ra, cụ T1 không lập bất kỳ văn bản nào khác về việc từ chối nhận các phần di sản còn lại của bà N2 ngoài quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 62, tờ bản đồ số 19. Bà N2 chết ngày 11/11/2017 theo Trích lục khai tử số 1135/TLKT-BS ngày 22/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương và cụ T1 chết ngày 17/10/2022 theo Trích lục khai tử số 716/TLKT-BS ngày 01/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Do đó, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của bà N2 tại thời điểm bà N2 chết (ngày 11/11/2017) bao gồm 08 người là cụ T1, ông N, bà H, bà O, ông G, bà N1, ông T và ông P. Cụ T1 chết ngày 17/10/2022 thì hàng thừa kế thứ nhất cụ T1 sẽ được hưởng phần di sản mà cụ T1 được hưởng từ bà N2 (ngoại trừ quyền sử dụng đất thuộc thửa 62 mà cụ T1 đã từ chối nhận di sản). Ông N chết ngày 01/10/2024 thì hàng thừa kế thứ nhất của ông N sẽ được hưởng phần di sản mà ông N được hưởng từ bà N2.

[2.3] Trong vụ án này, hồ sơ vụ án đã thể hiện ông Nguyễn Quốc G lập văn bản trình bày ý kiến ngày 15/01/2025 cho rằng di sản của bà N2 và ông N để lại còn bao gồm thửa đất số 451, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại xã A, thành phố B (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận số AB 95354 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 06/04/2005 cho ông Nguyễn Quốc N. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ và xác minh làm rõ đối với thửa đất số 451.

Xét thấy, cụ T1 đã lập Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế ngày 29/12/2017 tại Văn phòng C để từ chối nhận phần di sản mà mình được hưởng do bà N2 chết để lại đối với thửa đất số 62, tờ bản đồ số 19. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập, xác minh làm rõ ý kiến của cụ T1 đối với các thửa đất số 59 và 60, đều thuộc tờ bản đồ số 19; thửa đất số 139, tờ bản đồ số 38; và thửa đất số 451, tờ bản đồ số 19 là di sản của bà Bùi Thị N2 chết để lại. Trong trường hợp cụ T1 không từ chối nhận các phần di sản còn lại (ngoại trừ quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 62) thì Tòa án phải thu thập, xác minh làm rõ hàng thừa kế thứ nhất của cụ T1 để phân chia phần di sản mà cụ T1 hưởng từ khối di sản của bà N2 chết để lại theo đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Bên cạnh đó, theo văn bản trình bày ý kiến ngày 15/01/2025, ông G trình bày rằng lúc sinh thời thì bà N2 và ông N có gửi tiền tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP N4 (A) khu phố B, phường M, thành phố B (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền khoảng 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) và một xe ô tô 7 chỗ mang nhãn hiệu Ford Everest biển số 61A-070.23 do bà N2 đứng tên. Khi bà N2 mất thì ông N, bà H và ông T có đi rút số tiền gửi tiết kiệm này và hiện nay ông T và bà H chia nhau giữ, do đó ông G yêu cầu làm rõ số tiền này và chia số tiền nêu trên và chia bằng tiền đối với giá trị chiếc xe ô tô cho 06 người, mỗi người một phần bằng nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm, biên bản phiên tòa ghi nhận lời trình bày của bà H (bút

lục 260) rằng bà đã trả cho ông N số tiền 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ được nội dung liên quan đến số tiền này và số tiền gửi tiết kiệm ngân hàng cũng như tài sản là xe ô tô do bà N2 đứng tên là giải quyết vụ án chưa triệt để.

[3] Từ những phân tích trên, căn cứ theo khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm chưa điều tra, thu thập, xác minh chứng cứ đầy đủ để giải quyết vụ án mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu N1, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Quốc G là có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu N1, bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Quốc G.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 19/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại vụ án theo trình tự, thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014056 ngày 05/9/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Nguyễn Thu N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014053 ngày 05/9/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Nguyễn Thị O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014060 ngày 05/9/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Nguyễn Quốc G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014004 ngày 05/9/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP.HCM;
- TAND khu vực A – TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực A – TP.HCM;
- UBND phường T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (14).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng

2025DSPT43806
1 000137 299215
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh
23.10.2025 11:11